

Câu hỏi 28

Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống.



Trong hình trên có từ ngữ

Chọn đáp án

viết sai chính tả, sửa lại là

Chọn đáp án

Câu hỏi 29

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.



Chị Thư đưa

Chọn đáp án

chè cho Thư ăn.

Câu hỏi 30

Duổi hình bắt chữ: Đây là gì?



Đáp án: .

Câu hỏi 21

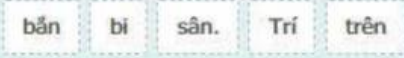
Sắp xếp các chữ sau theo đúng thứ tự xuất hiện trong bảng chữ cái.



The image shows four decorative cards, each with a Vietnamese letter. The letters are: ê, ô, m, and ă. Each card is designed to look like a small notepad with a spiral binding at the top and a pink flower illustration in the bottom right corner. The cards are arranged horizontally in a row.

Câu hỏi 22

Sắp xếp các tiếng sau thành câu hoàn chỉnh.



The image shows five word cards arranged horizontally in a row. The words are: bản, bị, sân, Trí, and trên. Each word is written in black text on a white rectangular card with a dashed border.

Câu hỏi 26

Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống.

Các từ ngữ "san sẻ", "bạn thân", "bàn ăn" có chung vần .

Câu hỏi 27

Chọn vần thích hợp điền vào chỗ trống.



Tên hai đồ vật trên có chung vần .

Câu hỏi 25

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.



Đây là cây

Chọn đáp án



Câu hỏi 23

Sắp xếp các chữ thành từ ngữ chỉ đồ vật sau:



t k n h ã m ã

Câu hỏi 24

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.



Đây là quả

Chọn đáp án



Câu hỏi 20

Em hãy xếp các câu vào nhóm thích hợp.

Trên bàn có đĩa nho.

Bố chia quà cho bé.

Hà đưa thìa cho chị.

Mẹ đi chợ mua cá.

Bé nỏ đùa trên sân.

Bà và mẹ đi chùa.

Câu chứa tiếng có "la"

Câu chứa tiếng có "ua"

Hãy ghép hình ảnh với câu mô tả tương ứng.



Chú chó sủa trên sân.



Đàn gà đi trên sân.



Chú thỏ ở trên sân.

Câu hỏi 17

Em hãy xếp các tiếng vào nhóm thích hợp.

cỏ mũ vờ xã rổ đồ

Tiếng có thanh hỏi (?)

Tiếng có thanh ngã (~)

Câu hỏi 18

Em hãy xếp các tiếng vào nhóm thích hợp.

nhát đạt bản ngan màn đan phạt cắt

Tiếng có vần "an"

Tiếng có vần "at"

Câu hỏi 19

Em hãy xếp các từ ngữ vào nhóm thích hợp.

ca hát mát mẻ cá rán mua bán nhà sàn bạn thân sạt lở bát đĩa

Từ ngữ chứa tiếng có vần "an"

Từ ngữ chứa tiếng có vần "at"

Câu hỏi 15

Hãy ghép vần với tên đồ vật trong hình chứa vần tương ứng.

en

an

ăn



Câu hỏi 13

Hãy ghép hình ảnh với tên con vật thích hợp.

gà
cò
khi

Câu hỏi 14

Hãy ghép hai tiếng với nhau để tạo thành từ chỉ đồ vật.

cửa
bật
bì

số
lửa
ve

Điền "l" hoặc "n" thích hợp vào chỗ trống.



Chị Thư và Hà quét lá trên sân.

Câu hỏi 12

Điền số thích hợp vào chỗ trống.

C	Ủ	A	N	A
U	N	G	A	N
A	M	Í	S	Y
B	Í	Đ	N	A
S	M	X	N	S

Ô chữ trên có tất cả từ chỉ con vật.